

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Biểu mẫu 18

*Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo*

THÔNG BÁO

**Công khai chất lượng đào tạo thực tế của Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, năm học 2018 - 2019
(Về các học phần của từng khóa học, chuyên ngành, thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp)**

NGÀNH: ĐỊA LÝ HỌC

1. Công khai các học phần của từng khóa học, chuyên ngành

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|------------|--|---|---------------------------|---------------------------------|---|
| 1 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin | Học phần giúp người học xây dựng được thế giới quan và phương pháp luận khoa học để tiếp cận các chuyên ngành được đào tạo và định hướng cho nhận thức và thực tiễn, vận dụng được kiến thức cơ bản để lí giải các quá trình KT – CT – XH. | 5 | Học kì 1 | Tự luận |
| 2 | Tâm lí học đại cương | Học phần giúp người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về bản chất, đặc điểm của hiện tượng tâm lí và các quy luật tâm lí cơ bản của con người (nhận thức, tình cảm, ý chí, hành động và nhân cách...). Trên cơ sở đó giúp người học vận dụng kiến thức vào thực tế để nhận diện, phân biệt, giải thích được các hiện tượng tâm lí cơ bản, góp phần định hướng cho hoạt động của người học. | 2 | Học kì 1 | Trắc nghiệm, tự luận |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|-------------------------------------|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 3 | Lịch sử văn minh thế giới | Học phần giúp người học những kiến thức đại cương về văn minh nhân loại và những nét độc đáo trong các nền văn minh phương Đông và phương Tây | 2 | Học kì 1 | Tự luận |
| 4 | Xã hội học đại cương | Học phần giúp người học trên cơ sở những thành tựu khoa học về tri thức và công nghệ đã đạt được, xã hội học trang bị cho người học những tri thức khoa học về các lĩnh vực xã hội và kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu, giải quyết những vấn đề mà thực tiễn cuộc sống đặt ra | 2 | Học kì 1 | Tự luận |
| 5 | Địa lí tự nhiên đại cương 1 | Học phần giúp người học nắm những kiến thức cơ bản: - Về hệ Mặt Trời, qui luật vận động của Trái Đất, Mặt Trăng và các hệ quả địa lí - Về cơ bản về địa hình như: các khái niệm về địa hình, địa hình lục địa, địa hình miền biển, địa hình dưới đại dương, và ứng dụng kiến thức địa hình vào sản xuất và đời sống | 2 | Học kì 1 | Tự luận |
| 6 | Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 1 | Học phần giúp người học nắm được cơ sở lí luận về địa lí kinh tế - xã hội trong việc đánh giá những điều kiện tự nhiên và điều kiện dân cư xã hội đối với sự phát triển kinh tế thế giới nói chung, của từng quốc gia nói riêng; về các ngành kinh tế; về xu thế toàn cầu hóa của nền kinh tế thế giới... | 2 | Học kì 1 | Tự vấn, vấn đáp |
| 7 | Lịch sử Việt Nam 1 | Học phần giúp người học nắm các kiến thức cơ bản và hệ thống về tiến trình lịch sử Việt Nam, chủ yếu từ khi các cư dân người Việt cổ xây dựng được mô hình nhà nước đầu tiên cho đến khi nước ta bị chủ nghĩa thực dân phương Tây xâm lược (giữa thế kỉ XIX). Bao gồm các nội dung cơ bản: Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỉ X; Việt Nam trong giai đoạn trị vì của các vương triều phong kiến thịnh đạt Lý – Trần – Hậu Lê (thế kỉ XI – XVI); Việt Nam trong giai đoạn suy vi của chế độ phong kiến dân tộc (thế kỉ XVII | 2 | Học kì 2 | Tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|----------------------|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| | | – XIX) | | | |
| 8 | Giáo dục thể chất 1 | Học phần giúp người học rèn luyện thể chất và tập luyện thể thao để giữ gìn sức khỏe. Bồi dưỡng kỹ năng vận động trong cuộc sống thông qua các bài tập thể dục phát triển chung, bài tập thể lực, bài tập chạy cự ly ngắn và các phương pháp tập luyện, tự tập luyện phát triển thể lực cá nhân (sức bền, sức mạnh, sức nhanh, khéo léo, độ dẻo). | 1 | Học kì 1 | Thực hành |
| 9 | Tin học căn bản | Học phần giúp người học có khả năng sử dụng máy tính như một phương tiện phục vụ mục đích học tập và nghiên cứu, sử dụng máy tính với các phần mềm MS Word, MS Excel và MS PowerPoint thành thạo, truy cập Internet để tiếp cận với các thông tin mới và có thể học được các học phần khác có sử dụng máy tính. | 3 | Học kì 1 | Thực hành |
| 10 | Ngoại ngữ học phần 1 | Học phần giúp người học có khả năng vận dụng ngoại ngữ vào các tình huống giao tiếp hàng ngày ở trình độ trên bậc 2/6 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. | 4 | Học kì 2 | Tự luận |
| 11 | Giáo dục thể chất 2 | Học phần giúp người học nâng cao sức khỏe và bước đầu hướng dẫn tập luyện một số bài tập thể lực chuyên môn hỗ trợ cho môn thể thao mà người học đã lựa chọn tập luyện. | 1 | Học kì 2 | Kiểm tra thực hành |
| 12 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Học phần giúp người học biết được những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh, hiểu được bản chất cách mạng và khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh, sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng ta trong cách mạng Việt Nam; từ đó giải thích được quá trình vận động, phát triển và thành công của cách mạng nước ta, vận dụng được những lý luận cơ bản trong quá trình giảng dạy, xây dựng được niềm tin vào lý tưởng cách mạng, thực hiện được đạo đức con người mới trong môi trường sư phạm. | 2 | Học kì 2 | Tự luận |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|-------------------------------------|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| 13 | Văn hóa Việt Nam | Học phần giúp người học biết được các thành tố văn hóa Việt Nam và những đặc trưng của chúng, quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hóa, quan điểm về giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam | 2 | Học kì 2 | Trắc nghiệm, tiểu luận |
| 14 | Lịch sử Việt Nam 2 | Học phần giúp người học nắm những kiến thức cơ bản và hệ thống về tiến trình lịch sử Việt Nam, chủ yếu từ khi nước ta từng bước bị biến thành thuộc địa của thực dân Pháp (giữa thế kỉ XIX) đến hiện nay. Bao gồm các nội dung cơ bản: Cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược; Chương trình khai thác thuộc địa của Pháp; Phong trào dân tộc dân chủ đầu thế kỉ XX; Quá trình vận động thành lập Đảng; Cách mạng tháng Tám 1945; Hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; Công cuộc Đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội từ 1986 đến hiện nay | 2 | Học kì 2 | Tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm |
| 15 | Địa lí tự nhiên đại cương 2 | Học phần giúp người học hiểu các đặc điểm cơ bản của khí quyển, thủy quyển, thổ quyển, và sinh quyển, bao gồm: thành phần cấu trúc, tính chất vật lí của khí quyển, các yếu tố khí tượng kết hợp với nhau tạo nên thời tiết và khí hậu, phân loại khí hậu trên Trái Đất và các đặc trưng của nước sông, hồ, đầm, tính chất lí hoá, các động lực xảy ra trong biển và đại dương; vai trò của sinh vật trong lớp vỏ cảnh quan trên Trái đất; Sự phát sinh, phát triển và mối quan hệ của sinh vật trong các hệ sinh thái tự nhiên; sự hình thành và phân bố các kiểu cảnh quan trên Trái đất; các nhân tố và quá trình hình thành đất, các đặc điểm và sự phân bố các loại đất địa đới trên thế giới. | 2 | Học kì 2 | Tự luận, tiểu luận |
| 16 | Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 2 | Học phần giúp người học hiểu rõ những lí luận chung về tăng trưởng và phát triển kinh tế (khái niệm; mô hình tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; các nguồn lực phát triển kinh tế và phân vùng kinh tế); lí luận và thực tiễn phát triển các ngành kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ). | 2 | Học kì 2 | Tự luận, vấn đáp |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|--------------------------|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 17 | Tổng quan du lịch | Học phần trang bị cho SV các kiến thức cơ bản về du lịch; Loại hình du lịch và sản phẩm du lịch ; Động cơ du lịch và điều kiện phát triển du lịch; Tính thời vụ trong hoạt động du lịch; Tác động của du lịch đến các lĩnh vực kinh tế; văn hóa – xã hội; môi trường và chính trị; Tổng quan về kinh doanh du lịch; Đào tạo nguồn nhân lực du lịch ; Tổ chức quản lí du lịch; Phát triển du lịch bền vững | 3 | Học kì 2 | Tự luận, vấn đáp |
| 18 | Địa lí tự nhiên thế giới | Học phần giúp người học nắm các kiến thức cơ bản về một số vấn đề địa lí tự nhiên của thế giới, xoay quanh các địa tổng thể bao gồm đặc điểm và sự phân bố của chúng. Đồng thời, học phần còn cung cấp các đặc điểm chính và các hợp phần tạo nên sự phân hóa đa dạng của tự nhiên tại các khu vực địa lí. Hơn nữa, học phần còn chú trọng phát triển tư duy phân tích hệ thống, tư duy phản biện, và kĩ năng tìm kiếm các tài liệu liên quan các vấn đề tự nhiên, môi trường cần quan tâm tại các khu vực hiện nay trên thế giới. Từ đó, trang bị những kĩ năng cần thiết cho một hướng dẫn viên du lịch quốc tế. | 3 | Học kì 2 | Vấn đáp |
| 19 | Ngoại ngữ học phần 2 | Học phần giúp người học có khả năng vận dụng ngoại ngữ vào các tình huống giao tiếp thông thường hoặc đặc biệt ở trình độ cận bậc 3/6 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. | 3 | Học kì 3 | Tự luận |
| 20 | Giáo dục thể chất 3 | Học phần giúp người học tăng khả năng phối hợp vận động, lượng vận động trong thể lực chung và thể lực chuyên môn thông qua các bài tập thể lực đa dạng, chuyên biệt, bước đầu làm quen các hình thức và luật thi đấu của các môn thể thao mà người học đã lựa chọn tập luyện. | 1 | Học kì 3 | Thực hành |
| 21 | Pháp luật đại cương | Học phần giúp người học vận dụng được các kiến thức về nhà nước và pháp luật để sử dụng trong giảng dạy và cách ứng xử của cá nhân trong xã hội khi | 2 | Học kì 3 | Tự luận, trắc nghiệm |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|--|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| | | liên quan đến pháp luật; đồng thời có kiến thức và cơ sở lí luận để học các học phần liên quan, thực hiện được các công việc liên quan đến nhà nước và pháp luật. | | | |
| 22 | Địa lí du lịch thế giới | Học phần cung cấp cho người học kiến thức về du lịch và ngành kinh tế du lịch đang ngày càng phát triển trên thế giới. Các tài nguyên du lịch tiêu biểu, các điểm đến tiêu biểu thu hút khách du lịch hàng đầu thế giới ở các khu vực và các quốc gia tiêu biểu trên thế giới | 3 | Học kì 4 | Tự luận, vấn đáp |
| 23 | Địa lí tự nhiên Việt Nam | Học phần giúp người học nắm những kiến thức cơ bản về lãnh thổ Việt Nam, lịch sử phát triển của tự nhiên, đặc điểm của các hợp phần tự nhiên (địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật) và tổng quan về phân vùng địa lí tự nhiên Việt Nam, hướng sử dụng bền vững các miền địa lí tự nhiên, các khu địa lí tự nhiên của Việt Nam | 3 | Học kì 3 | Tự luận, vấn đáp |
| 24 | Địa lí kinh tế - xã hội thế giới | Học phần giúp người học nắm những kiến thức về du lịch và ngành kinh tế du lịch đang ngày càng phát triển trên thế giới. Các tài nguyên du lịch tiêu biểu, các điểm đến tiêu biểu thu hút khách du lịch hàng đầu thế giới ở các khu vực và các quốc gia tiêu biểu trên thế giới | 3 | Học kì 3 | Tự luận, vấn đáp, tiểu luận |
| 25 | Phương pháp nghiên cứu khoa học Địa lí | Học phần giúp người học nắm những kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học nói chung và khoa học địa lí nói riêng. Giúp cho người học hiểu rõ các phương pháp thường được sử dụng trong nghiên cứu địa lí cũng như nắm vững qui trình và nội dung chủ yếu của một đề tài nghiên cứu địa lí | 2 | Học kì 3 | Tự luận, vấn đáp |
| 26 | Địa danh học Việt Nam | Học phần giúp người học bước đầu tiến hành phân vùng và phân tích đặc điểm các vùng địa danh Việt Nam, đồng thời giải thích một số địa danh tiêu | 2 | Học kì 3 | Tự luận, tiểu luận |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|------------|-----------------------------------|--|-------------------|-----------------------------|---------------------------------------|
| | | biểu ở Việt Nam | | | |
| 27 | Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam | Học phần giúp người học phân tích những đặc điểm về nhân khẩu học và kinh tế - xã hội của dân cư Việt Nam; Đánh giá điều kiện thuận lợi và khó khăn của nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam; Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế Việt Nam hiện nay: tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hiện trạng phát triển các ngành kinh tế | 3 | Học kì 3 | Tự luận, vấn đáp |
| 28 | Tâm lí học du lịch | Học phần cung cấp cho người học biết hệ thống kiến thức để có thể vận dụng được những thành tựu của tâm lí học vào nhận biết, đánh giá, điều khiển và điều chỉnh hành vi của con người trong hoạt động du lịch | 2 | Học kì 3 | Tự luận, trắc nghiệm |
| 29 | Hệ thống thông tin địa lí (GIS) | Học phần trình bày các khái niệm hệ thống thông tin địa lí (GIS) và các khả năng ứng dụng của GIS vào nghiên cứu địa lí du lịch; hệ thống máy tính (phần cứng, phần mềm) và thiết bị ngoại vi dùng để nhập, lưu trữ, truy vấn, xử lí, phân tích và hiển thị hoặc xuất dữ liệu; kết nối các dữ liệu địa lí để thể hiện trên Bản đồ du lịch, trên cơ sở sử dụng hệ thống thông tin địa lí (GIS) và MapInfo | 2 | Học kì 3 | Tự luận |
| 30 | Ngoại ngữ học phần 3 | Học phần giúp người học có khả năng vận dụng tốt ngoại ngữ trong việc giải quyết các tình huống giao tiếp ở trình độ bậc 3/6 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. | 3 | Học kì 4 | Tự luận |
| 31 | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN | Học phần giúp người học hiểu được quy luật hình thành và phát triển đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có tư duy phản biện đối với các vấn đề, sự kiện chính trị, xã hội trong quá trình học tập, nghiên cứu, làm việc, có khả năng vận dụng kiến thức lịch sử, xã hội trong việc giải thích và giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội phát sinh trong đời sống hàng ngày. | 3 | Học kì 4 | Tự luận, vấn đáp |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|---|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 32 | Hệ thống chính trị và các văn bản pháp luật liên quan đến du lịch | Học phần cung cấp người học lịch sử hình thành, những đặc trưng cơ bản của thể chế chính trị theo định hướng XHCN ở nước ta và các văn bản pháp luật liên quan đến du lịch như Luật du lịch, những cam kết của Việt Nam trong lĩnh vực du lịch khi gia nhập WTO. Học phần trang bị những kiến thức pháp luật cơ bản trong lĩnh vực du lịch cho sinh viên liên quan đến khách du lịch, hướng dẫn viên du lịch, kinh doanh du lịch và quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch để giúp cho sinh viên hiểu rõ và làm đúng pháp luật khi thực hiện nghề nghiệp của mình | 2 | Học kì 4 | Tự luận, vấn đáp, tiểu luận |
| 33 | Địa lí du lịch Việt Nam | Học phần cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản được sử dụng trong ngành du lịch, ví dụ: du lịch, tài nguyên du lịch, điểm du lịch...; Cơ sở lý luận về phân vùng du lịch ở Việt Nam; Tiềm năng và hiện trạng phát triển du lịch ở các vùng du lịch Việt Nam | 3 | Học kì 4 | Tự luận |
| 34 | Kỹ năng dã ngoại, hoạt náo và sơ cứu y tế | Học phần cung cấp cho người học các lý thuyết và kỹ năng tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động ngoài trời, hoạt trên xe. Học phần trang bị kiến thức cơ bản, thực hành sơ cứu y tế và những thông tin hữu ích liên quan đến đối tượng khách du lịch. Người học không chỉ nắm được những kiến thức lý thuyết về hoạt động dã ngoại, hoạt náo, sơ cứu mà còn được thực hành các kỹ năng cần thiết và hữu ích khi làm nghề sau này | 2 | Học kì 4 | Thực hành |
| 35 | Kinh tế du lịch | Học phần giúp cho người học nắm những kiến thức cơ bản về kinh tế du lịch. Đó là tính thời vụ, nguồn cung cầu trong du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, lao động, chất lượng dịch vụ du lịch, các lĩnh vực kinh doanh trong du lịch cũng như hiệu quả kinh tế du lịch | 3 | Học kì 4 | Tự luận, vấn đáp |
| 36 | Bản đồ du lịch | Học phần giúp người học tìm hiểu cách xác định phương hướng, xác định tọa độ địa lí, các phương pháp thể hiện nội dung bản đồ và cách sử dụng | 3 | Học kì 4 | Tự luận |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|------------|--|---|-------------------|-----------------------------|---------------------------------------|
| | | bản đồ du lịch | | | |
| 37 | Thống kê trong khoa học Địa lí | Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về thống kê, các phương pháp thống kê, vận dụng kiến thức thống kê để thiết kế nghiên cứu và xử lý những kết quả thu thập được từ những cuộc nghiên cứu điều tra thực tế trong khoa học xã hội. Đồng thời, học phần còn chú trọng rèn luyện kĩ năng ứng dụng phần mềm thống kê trong nghiên cứu khoa học xã hội nói chung và địa lí du lịch nói riêng. | 2 | Học kì 4 | Tự luận |
| 38 | Thực địa du lịch 1 | Học phần giúp người học nghiên cứu thực địa, khảo sát thực tế các điểm, tuyến du lịch. Tìm hiểu văn hóa bản địa, tiềm năng và hiện trạng phát triển du lịch các địa phương theo phân vùng du lịch của Việt Nam | 3 | Học kì 4 | Báo cáo |
| 39 | Nghệ thuật nói trước công chúng | Học phần giúp người học có khả năng trình bày những vấn đề lí luận chung về hoạt động giao tiếp của con người nói chung | 2 | Học kì 4 | Thực hành |
| 40 | Các nền văn hóa cổ và văn hóa các dân tộc ở Việt Nam | Học phần giới thiệu những kiến thức mang tính khái quát chung về cơ sở, điều kiện hình thành, phát triển của văn hóa và cộng đồng dân tộc Việt Nam | 2 | Học kì 4 | Trắc nghiệm, tự luận |
| 41 | Hệ thống bảo tàng và di tích ở Việt Nam | Học phần cung cấp cho người học các hệ thống bảo tàng và di tích tại Việt Nam | 2 | Học kì 4 | Tự luận |
| 42 | Du lịch biển đảo Việt Nam | Học phần trình bày khái quát về biển đảo và vai trò của biển đảo đối với sự phát triển kinh tế nói chung và đối với ngành du lịch nói riêng; phân tích các thế mạnh và hạn chế của biển đảo nước ta; làm rõ thực trạng ngành du lịch biển đảo để từ đó đưa ra những giải pháp giúp phát triển bền vững ngành du lịch biển đảo Việt Nam | 2 | Học kì 4 | Tự luận, tiểu luận |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|------------|--|--|-------------------|-----------------------------|---------------------------------------|
| 43 | Văn hóa du lịch | Học phần phân tích những lí luận cơ bản về du lịch văn hóa, mối quan hệ của văn hóa đối với hoạt động du lịch; Đánh giá các đặc trưng văn hóa Việt Nam và ảnh hưởng của nó đối với hoạt động du lịch | 2 | Học kì 5 | Tự luận, vấn đáp |
| 44 | Du lịch sinh thái | Học phần cung cấp các kiến thức liên quan đến du lịch sinh thái, các nhân tố ảnh hưởng đến du lịch sinh thái và cách tiến hành quy hoạch cũng như xác định một khu du lịch sinh thái. Đồng thời, học phần cũng tập trung đánh giá mối quan hệ giữa các yếu tố môi trường đến du lịch sinh thái và tạo tay nghề cho hướng dẫn viên tiến tới thiết kế DLST cho một khu hay một tour DLST tại địa phương | 2 | Học kì 5 | Tự luận |
| 45 | Ngoại ngữ chuyên ngành du lịch 1 | Học phần này nhằm rèn luyện các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành du lịch cho sinh viên | 3 | Học kì 5 | Tự luận |
| 46 | Tài nguyên và tuyến điểm du lịch Việt Nam | Học phần trang bị cho người học những kiến thức địa lí, văn hóa, xã hội, lịch sử, môi trường du lịch cùng những vấn đề liên quan đến tuyến - điểm du lịch của Việt Nam, làm cơ sở để thiết kế các chương trình du lịch và phục vụ cho hoạt động thuyết minh hướng dẫn du lịch | 3 | Học kì 5 | Tự luận |
| 47 | Thiết kế và điều hành chương trình du lịch | Học phần trang bị những kiến thức chuyên ngành chủ yếu về lữ hành: vai trò, vị trí của kinh doanh lữ hành và những vấn đề cơ bản về công ty lữ hành, hoạt động trung gian và mối quan hệ của công ty lữ hành với các nhà cung cấp sản phẩm du lịch, các nội dung cơ bản của quản trị kinh doanh lữ hành, tổ chức xây dựng tour và tính toán chi phí, quản lí chất lượng tour, môi trường chiến lược và chính sách kinh doanh của công ty lữ hành | 4 | Học kì 5 | Tự luận |
| 48 | Thiết kế và tổ chức sản xuất sự kiện | Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về hoạt động tổ chức sự kiện, bao gồm: Hình thành chủ đề, lập chương trình và dự toán | 2 | Học kì 5 | Thực hành, vấn đáp |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|------------|---|--|-------------------|-----------------------------|---------------------------------------|
| | | ngân sách sự kiện; Lập kế hoạch tổ chức sự kiện; Chuẩn bị tổ chức sự kiện; Quản trị hậu cần tổ chức sự kiện; Tổ chức điều hành các hoạt động của sự kiện | | | |
| 49 | Quản trị kinh doanh lễ hành | Học phần khái quát về lịch sử phát triển kinh doanh lễ hành, nội dung cơ bản của kinh doanh lễ hành, cơ cấu tổ chức và quản trị nguồn nhân lực của doanh nghiệp lễ hành, quan hệ giữa nhà cung cấp với doanh nghiệp lễ hành, tổ chức xúc tiến hỗn hợp bán và thực hiện chương trình du lịch, hệ thống các chỉ tiêu đánh giá kinh doanh chương trình du lịch, môi trường kinh doanh và chiến lược, chính sách kinh doanh của doanh nghiệp lễ hành | 2 | Học kì 5 | Tự luận, vấn đáp |
| 50 | Quản trị tiền sảnh – lễ tân | Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về chức năng, nhiệm vụ các chức danh trong bộ phận lễ tân, mối quan hệ giữa các bộ phận và các công việc phải làm của bộ phận lễ tân từ lúc khách đặt phòng cho đến khi khách đến nhận phòng, lưu trú tại khách sạn và trả phòng, dự báo công suất phòng, giải quyết phàn nàn của khách cũng như đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của bộ phận lễ tân | 2 | Học kì 5 | Thực hành |
| 51 | Kiến trúc và mỹ thuật truyền thống Việt Nam | Học phần giúp người học những vấn đề chung về kiến trúc và mỹ thuật truyền thống Việt Nam; Kiến trúc mỹ thuật dân gian; Kiến trúc và mỹ thuật tín ngưỡng tôn giáo; Kiến trúc mỹ thuật Kinh Thành | 2 | Học kì 5 | Tự luận |
| 52 | Quản trị nhà hàng – bar | Học phần trang bị cho người học những kiến thức căn bản và chuyên sâu về mặt lí luận khoa học trong công tác quản trị kinh doanh nhà hàng khách sạn | 2 | Học kì 5 | Tự luận, vấn đáp |
| 53 | Marketing du lịch | Học phần giúp người học có được những kĩ năng cần thiết để làm việc, quản lí và điều hành tốt công việc trong khách sạn, nhà hàng quốc tế | 2 | Học kì 5 | Tự luận |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|------------|------------------------------------|--|-------------------|-----------------------------|---------------------------------------|
| 54 | Quy hoạch du lịch | Học phần sẽ trình bày tổng quan cơ sở lý luận và thực tiễn công tác phát triển quy hoạch về du lịch ở Việt nam; giúp người học nắm được cơ sở lý luận về quy hoạch du lịch; tiềm năng và các điều kiện tiến hành quy hoạch du lịch; nghiên cứu và đánh giá thị trường cho kinh doanh du lịch; dự báo nhu cầu phát triển du lịch và chiến lược phát triển du lịch; quy hoạch du lịch một số vùng như vùng biển, miền núi, vùng ven đô và vùng nông thôn | 2 | Học kì 6 | Tự luận |
| 55 | Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động hướng dẫn du lịch, các nghiệp vụ hướng dẫn, quy trình hướng dẫn, cách thức phục vụ khách du lịch trong quá trình thực hiện các chương trình du lịch | 4 | Học kì 6 | Tự luận, vấn đáp |
| 56 | Quản trị khách sạn | Học phần giúp người học có thể tổng quan về kinh doanh khách sạn, cơ sở vật chất kỹ thuật và quy trình đầu tư xây dựng khách sạn. Tổ chức bộ máy và quản trị nguồn nhân lực của khách sạn. Tổ chức kinh doanh lưu trú của khách sạn. Tổ chức kinh doanh ăn uống của khách sạn. Marketing trong kinh doanh khách sạn. Quản trị chất lượng dịch vụ của khách sạn. Phân tích kết quả kinh doanh và tài chính của khách sạn | 3 | Học kì 6 | Tự luận, vấn đáp |
| 57 | Ngoại ngữ chuyên ngành du lịch 2 | Học phần này nhằm rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành du lịch cho sinh viên | 3 | Học kì 6 | Tự luận |
| 58 | Thực địa du lịch 2 | Học phần giúp người học nghiên cứu thực địa, khảo sát các điểm du lịch, tìm hiểu văn hóa các địa phương theo các vùng du lịch của Việt Nam | 3 | Học kì 5 | Báo cáo |
| 59 | Quản trị resort và dịch vụ bổ sung | Học phần trang bị kiến thức về vai trò, vị trí của khu du lịch đối với nền kinh tế; đầu tư, kinh doanh resort, các sản phẩm và dịch vụ trong khu du lịch, các đặc điểm của quản trị khu du lịch, chiến lược marketing khu du lịch và các dịch vụ bổ sung trong khu du lịch | 2 | Học kì 6 | Tự luận, vấn đáp |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|------------|---|--|-------------------|-----------------------------|---------------------------------------|
| 60 | Du lịch cộng đồng | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về du lịch cộng đồng như: khái niệm du lịch cộng đồng, điều kiện phát triển du lịch cộng đồng, các hình thức du lịch cộng đồng, sự phát triển du lịch cộng đồng trên thế giới và Việt Nam, xác định tiềm năng và định hướng phát triển du lịch cộng đồng ở một địa phương | 2 | Học kì 6 | Tự luận |
| 61 | Tổ chức hoạt động team building trong du lịch | Học phần giới thiệu cho người học những kiến thức chung teambuilding và các kĩ năng tổ chức hoạt động teambuilding trong du lịch; một số teambuilding games ứng dụng trong du lịch | 2 | Học kì 6 | Tự luận, vấn đáp |
| 62 | Quản trị buồng | Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức lí thuyết về Quản trị bộ phận buồng (phòng) trong cơ sở lưu trú: Quản trị nhân sự, Quản trị cơ sở vật chất, Quản lí an toàn lao động và an ninh, Quản lí chất lượng dịch vụ, Đánh giá hiệu quả hoạt động bộ phận buồng (phòng) | 2 | Học kì 6 | Tự luận |
| 63 | Thực tập | Học phần giúp người học tham gia thực hành nghề nghiệp, thực hành những kiến thức lí thuyết về nghiệp vụ du lịch được học trong chương trình đào tạo, đặc biệt là nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, nghiệp vụ thiết kế và điều hành chương trình du lịch, nghiệp vụ lễ tân, nghiệp vụ khách sạn - nhà hàng, ... | 5 | Học kì 7 | Báo cáo, vấn đáp |
| 64 | Bảo vệ môi trường và cảnh quan du lịch | Học phần giúp người học có thể tổng quan về bảo vệ môi trường và cảnh quan du lịch; tác động của du lịch đến môi trường; vai trò và ảnh hưởng của môi trường đến cảnh quan du lịch, bảo vệ môi trường vì sự phát triển du lịch bền vững | 2 | Học kì 8 | Tự luận |
| 65 | Thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch | Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về các yếu tố thiết yếu trong quá trình lập kế hoạch và triển khai phát triển sản phẩm du lịch | 2 | Học kì 8 | Tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, tiểu |

| STT | Tên học phần | Mục đích học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá người học |
|-----|--|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| | | | | | luận |
| 66 | Liên kết vùng trong phát triển du lịch | Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về liên kết vùng trong phát triển du lịch; khái niệm, vai trò, tầm quan trọng, các nguyên tắc, hình thức, nội dung liên kết và liên kết vùng trong phát triển du lịch; những thể mạnh, khó khăn thách thức trong liên kết và liên kết vùng trong phát triển du lịch nói chung và ở Việt Nam | 2 | Học kì 8 | Tự luận, vấn đáp |
| 67 | Giáo dục Quốc phòng – Học phần I | Học phần giúp người học phân tích được những vấn đề thuộc về lĩnh vực đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. | 30 tiết | Học kì hè | Trắc nghiệm, Tự luận |
| 68 | Giáo dục Quốc phòng – Học phần II | Học phần giúp người học phân tích được những vấn đề thuộc về lĩnh vực quốc phòng và an ninh, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh Tổ quốc. | 30 tiết | Học kì hè | Trắc nghiệm, Tự luận |
| 69 | Giáo dục Quốc phòng – Học phần III | Học phần giúp người học có kiến thức về đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; phòng chống địch tiên công bằng vũ khí công nghệ cao; ba môn quân sự phối hợp; trung đội bộ binh tiên công; trung đội bộ binh bộ binh phòng ngự; kỹ thuật bắn súng ngắn K54 và thực hành sử dụng một số loại lựu đạn Việt Nam. | 85 tiết | Học kì hè | Vấn đáp, Thực hành |
| 70 | Giáo dục Quốc phòng – Học phần IV | Học phần giúp người học phân tích được những vấn đề thuộc về lĩnh vực công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang; công tác dân vận của Đảng hiện nay. | 20 tiết | Học kì hè | Trắc nghiệm, Tự luận |

2. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp: Không có

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Hồng